

BẢNG TỔNG HỢP ĐTB, HẠNH KIỂM, HỌC LỰC, DANH HIỆU
CẢ NĂM - NĂM HỌC 2018-2019

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	ĐTB	Nghi CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
1	Nguyễn Thanh Thuỳ An	HK1	8.5 ₅	9.3 ₇	9.3 ₁₃	9.6 ₇	9.8 ₄	9.8 ₂	9.4 ₅	9.4 ₈	9.8 ₃	9.0 ₂₀	9.9 ₁	Đ	Đ	Đ	9.4 ₃	1 0	G	T	3	GIOI	
		HK2	9.1 ₄	9.8 ₄	9.6 ₇	9.8 ₆	9.8 ₂₀	9.8 ₁₀	8.8 ₁₅	9.8 ₅	9.8 ₃	9.3 ₁₅	9.3 ₁₃	Đ	Đ	Đ	9.5 ₂	0 0	G	T	2	GIOI	
		CN	8.9 ₄	9.6 ₄	9.5 ₇	9.7 ₆	9.8 ₈	9.8 ₂	9.0 ₁₀	9.7 ₂	9.8 ₂	9.2 ₁₈	9.5 ₅	Đ	Đ	Đ	9.5 ₂	1 0	G	T	2	GIOI	L
2	Hồ Nam Anh	HK1	8.0 ₂₄	9.2 ₁₁	9.3 ₁₃	9.2 ₁₄	9.5 ₃₁	9.7 ₅	8.5 ₂₈	9.4 ₈	9.9 ₁	9.4 ₆	8.8 ₂₇	Đ	Đ	Đ	9.2 ₈	1 0	G	T	8	GIOI	
		HK2	8.7 ₁₉	8.4 ₃₃	9.0 ₂₂	8.8 ₃₅	9.3 ₄₅	7.8 ₄₈	9.1 ₇	8.8 ₄₃	9.9 ₁	9.5 ₁₃	8.9 ₂₄	Đ	Đ	Đ	8.9 ₂₇	0 0	G	T	27	GIOI	
		CN	8.5 ₁₇	8.7 ₂₂	9.1 ₁₆	8.9 ₂₄	9.4 ₄₁	8.4 ₄₅	8.9 ₁₄	9.0 ₃₈	9.9 ₁	9.5 ₁₀	8.9 ₂₅	Đ	Đ	Đ	9.0 ₂₁	1 0	G	T	21	GIOI	L
3	Lê Thị Ánh	HK1	8.0 ₂₄	7.6 ₃₉	8.6 ₂₅	8.5 ₃₀	9.6 ₂₂	10 ₁	8.1 ₄₁	8.2 ₄₅	8.3 ₄₀	8.2 ₃₈	8.1 ₄₂	Đ	Đ	Đ	8.5 ₃₄	0 0	G	T	34	GIOI	
		HK2	9.0 ₈	9.5 ₆	9.3 ₁₂	9.0 ₂₇	9.9 ₁	10 ₁	8.7 ₁₉	9.7 ₉	9.0 ₂₉	8.5 ₂₇	8.9 ₂₄	Đ	Đ	Đ	9.2 ₁₈	0 0	G	T	18	GIOI	
		CN	8.7 ₈	8.9 ₁₉	9.1 ₁₆	8.8 ₂₉	9.8 ₈	10 ₁	8.5 ₃₁	9.2 ₃₃	8.8 ₃₂	8.4 ₃₀	8.6 ₃₁	Đ	Đ	Đ	9.0 ₂₁	0 0	G	T	21	GIOI	L
4	Nguyễn Ngọc Ánh	HK1	8.7 ₂	8.7 ₁₈	9.6 ₄	9.6 ₇	9.6 ₂₂	9.6 ₈	9.1 ₁₃	9.3 ₁₄	9.5 ₁₃	8.4 ₃₄	9.5 ₆	Đ	Đ	Đ	9.2 ₈	0 0	G	T	8	GIOI	
		HK2	9.1 ₄	9.6 ₅	9.3 ₁₂	9.6 ₁₂	9.9 ₁	9.9 ₂	9.3 ₂	9.7 ₉	9.6 ₇	8.5 ₂₇	9.6 ₂	Đ	Đ	Đ	9.5 ₂	0 0	G	T	2	GIOI	
		CN	9.0 ₂	9.3 ₈	9.4 ₉	9.6 ₈	9.8 ₈	9.8 ₂	9.2 ₃	9.6 ₇	9.6 ₆	8.5 ₂₈	9.6 ₁	Đ	Đ	Đ	9.4 ₆	0 0	G	T	6	GIOI	L
5	Đỗ Dy Bách	HK1	8.5 ₅	7.1 ₄₄	8.0 ₃₈	7.2 ₄₄	9.1 ₄₂	9.5 ₁₆	8.1 ₄₁	8.3 ₄₃	8.5 ₃₇	7.5 ₄₆	8.3 ₃₇	Đ	Đ	Đ	8.2 ₄₁	8 0	G	T	39	GIOI	
		HK2	8.3 ₃₃	7.5 ₄₅	8.2 ₃₆	7.1 ₄₈	9.7 ₃₃	9.5 ₃₀	8.7 ₁₉	8.6 ₄₇	7.4 ₄₅	7.4 ₄₄	7.7 ₄₅	Đ	Đ	Đ	8.2 ₄₄	0 0	G	T	44	GIOI	
		CN	8.4 ₂₃	7.4 ₄₅	8.1 ₃₆	7.1 ₄₈	9.5 ₃₆	9.5 ₂₄	8.5 ₃₁	8.5 ₄₆	7.8 ₄₅	7.4 ₄₅	7.9 ₄₆	Đ	Đ	Đ	8.2 ₄₃	8 0	G	T	43	GIOI	L
6	Nguyễn Hoàng Ngọc Châu	HK1	7.8 ₃₄	7.5 ₄₀	7.1 ₄₆	9.0 ₁₉	9.0 ₄₄	7.7 ₄₅	8.1 ₄₁	8.0 ₄₈	7.0 ₄₇	7.2 ₄₉	7.4 ₄₆	Đ	Đ	Đ	7.8 ₄₆	0 0	K	T	46	TT	
		HK2	8.0 ₄₂	7.9 ₄₃	6.6 ₄₈	8.5 ₄₂	9.1 ₄₈	8.6 ₄₅	8.3 ₄₀	9.1 ₃₈	7.3 ₄₆	7.2 ₄₆	8.6 ₃₁	Đ	Đ	Đ	8.1 ₄₆	0 0	G	T	45	GIOI	
		CN	7.9 ₄₂	7.8 ₄₃	6.8 ₄₉	8.7 ₃₂	9.1 ₄₇	8.3 ₄₆	8.2 ₄₃	8.7 ₄₂	7.2 ₄₇	7.2 ₄₇	8.2 ₃₈	Đ	Đ	Đ	8.0 ₄₇	0 0	K	T	47	TT	L
7	Trương Vinh Cường	HK1	8.0 ₂₄	9.8 ₂	10 ₁	9.8 ₃	9.8 ₄	9.7 ₅	9.1 ₁₃	9.4 ₈	9.7 ₆	9.2 ₁₄	9.8 ₂	Đ	Đ	Đ	9.5 ₂	0 0	G	T	2	GIOI	
		HK2	8.9 ₉	9.5 ₆	9.6 ₇	9.9 ₂	9.9 ₁	9.9 ₂	8.8 ₁₅	9.9 ₂	9.7 ₄	9.3 ₁₅	9.4 ₆	Đ	Đ	Đ	9.5 ₂	0 0	G	T	2	GIOI	
		CN	8.6 ₁₂	9.6 ₄	9.7 ₃	9.9 ₂	9.9 ₁	9.8 ₂	8.9 ₁₄	9.7 ₂	9.7 ₅	9.3 ₁₅	9.5 ₅	Đ	Đ	Đ	9.5 ₂	0 0	G	T	2	GIOI	L
8	Nguyễn Tiến Hoàng Duy	HK1	7.9 ₃₀	8.4 ₂₅	8.6 ₂₅	7.5 ₄₂	9.6 ₂₂	9.3 ₂₆	8.4 ₃₀	9.3 ₁₄	9.3 ₁₉	9.4 ₆	8.9 ₂₃	Đ	Đ	Đ	8.8 ₂₄	0 0	G	T	24	GIOI	
		HK2	7.8 ₄₅	9.3 ₁₀	8.3 ₃₄	9.0 ₂₇	9.9 ₁	9.9 ₂	8.7 ₁₉	9.3 ₃₆	8.7 ₃₃	9.4 ₁₄	9.2 ₁₄	Đ	Đ	Đ	9.0 ₂₄	0 0	G	T	24	GIOI	
		CN	7.8 ₄₃	9.0 ₁₃	8.4 ₃₂	8.5 ₃₇	9.8 ₈	9.7 ₁₁	8.6 ₂₄	9.3 ₂₇	8.9 ₂₉	9.4 ₁₃	9.1 ₁₅	Đ	Đ	Đ	9.0 ₂₁	0 0	G	T	21	GIOI	L
9	Trần Quốc Duy	HK1	7.9 ₃₀	7.3 ₄₂	8.7 ₂₃	8.3 ₃₅	9.7 ₁₁	8.8 ₄₃	8.8 ₁₈	8.2 ₄₅	8.6 ₃₅	8.8 ₂₄	8.1 ₄₂	Đ	Đ	Đ	8.5 ₃₄	0 0	K	T	42	TT	
		HK2	8.0 ₄₂	8.6 ₂₆	9.2 ₁₇	8.9 ₃₃	9.8 ₂₀	9.6 ₂₂	8.5 ₃₁	8.7 ₄₅	8.3 ₄₂	9.2 ₁₉	9.1 ₁₈	Đ	Đ	Đ	8.9 ₂₇	0 0	G	T	27	GIOI	
		CN	8.0 ₃₇	8.2 ₃₄	9.0 ₂₀	8.7 ₃₂	9.8 ₈	9.3 ₃₄	8.6 ₂₄	8.5 ₄₆	8.4 ₃₈	9.1 ₁₉	8.8 ₂₉	Đ	Đ	Đ	8.8 ₂₉	0 0	G	T	29	GIOI	L
10	Phan Thành Đạt	HK1	7.3 ₄₇	8.0 ₃₆	8.6 ₂₅	8.5 ₃₀	9.2 ₄₀	7.2 ₄₇	9.3 ₉	8.6 ₃₆	9.5 ₁₃	8.1 ₃₉	9.3 ₁₄	Đ	Đ	Đ	8.5 ₃₄	3 0	G	T	34	GIOI	
		HK2	8.1 ₄₁	8.1 ₃₆	8.3 ₃₄	9.1 ₂₃	9.7 ₃₃	9.7 ₁₉	8.5 ₃₁	9.4 ₃₀	8.4 ₄₀	9.3 ₁₅	8.3 ₃₆	Đ	Đ	Đ	8.8 ₃₃	1 0	G	T	33	GIOI	
		CN	7.8 ₄₃	8.1 ₃₈	8.4 ₃₂	8.9 ₂₄	9.5 ₃₆	8.9 ₄₃	8.8 ₁₉	9.1 ₃₄	8.8 ₃₂	8.9 ₂₃	8.6 ₃₁	Đ	Đ	Đ	8.7 ₃₃	4 0	G	T	33	GIOI	L
11	Nguyễn Hải Đăng	HK1	7.5 ₄₂	8.6 ₂₀	9.5 ₅	8.5 ₃₀	9.9 ₂	9.3 ₂₆	8.4 ₃₀	8.9 ₃₁	9.0 ₂₉	8.9 ₂₃	9.3 ₁₄	Đ	Đ	Đ	8.9 ₂₀	0 0	G	T	20	GIOI	
		HK2	8.2 ₃₇	9.2 ₁₅	9.4 ₉	9.1 ₂₃	9.9 ₁	9.8 ₁₀	8.6 ₂₅	9.6 ₁₇	8.8 ₃₁	9.0 ₂₂	8.8 ₂₈	Đ	Đ	Đ	9.1 ₂₂	0 0	G	T	22	GIOI	
		CN	8.0 ₃₇	9.0 ₁₃	9.4 ₉	8.9 ₂₄	9.9 ₁	9.6 ₁₇	8.5 ₃₁	9.4 ₂₁	8.9 ₂₉	9.0 ₂₀	9.0 ₂₁	Đ	Đ	Đ	9.1 ₁₈	0 0	G	T	18	GIOI	L
12	Ngô Phạm Phương Hà	HK1	8.6 ₄	8.7 ₁₈	8.5 ₂₉	9.1 ₁₆	9.8 ₄	9.5 ₁₆	8.3 ₃₇	9.2 ₂₁	9.7 ₆	9.0 ₂₀	9.2 ₁₈	Đ	Đ	Đ	9.1 ₁₄	1 0	G	T	14	GIOI	
		HK2	8.3 ₃₃	8.1 ₃₆	8.6 ₃₁	9.0 ₂₇	9.9 ₁	9.6 ₂₂	8.6 ₂₅	9.8 ₅	9.1 ₂₅	7.8 ₄₁	8.8 ₂₈	Đ	Đ	Đ	8.9 ₂₇	0 0	G	T	27	GIOI	

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	ĐTB	Nghi CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
12	Ngô Phạm Phương Hà	CN	8.4 ₂₃	8.3 ₃₁	8.6 ₃₀	9.0 ₂₁	9.9 ₁	9.6 ₁₇	8.5 ₃₁	9.6 ₇	9.3 ₁₈	8.2 ₃₆	8.9 ₂₅	Đ	Đ	Đ	8.9 ₂₈	1 0	G	T	28	GIOI	L
13	Lương Nguyễn Bảo Hân	HK1	8.2 ₁₄	8.2 ₃₁	9.3 ₁₃	9.7 ₅	8.8 ₄₇	9.3 ₂₆	7.9 ₄₅	9.5 ₅	8.7 ₃₄	9.1 ₁₈	8.9 ₂₃	Đ	Đ	Đ	8.9 ₂₀	0 0	G	T	20	GIOI	
		HK2	8.5 ₂₆	8.1 ₃₆	7.8 ₄₀	9.4 ₁₈	9.9 ₁	9.6 ₂₂	7.5 ₄₇	9.6 ₁₇	8.7 ₃₃	8.1 ₃₄	8.3 ₃₆	Đ	Đ	Đ	8.7 ₃₆	1 0	G	T	36	GIOI	
		CN	8.4 ₂₃	8.1 ₃₈	8.3 ₃₄	9.5 ₁₂	9.5 ₃₆	9.5 ₂₄	7.6 ₄₇	9.6 ₇	8.7 ₃₆	8.4 ₃₀	8.5 ₃₃	Đ	Đ	Đ	8.7 ₃₃	1 0	G	T	33	GIOI	L
14	Lê Trúc Huy Hoàng	HK1	7.3 ₄₇	7.0 ₄₅	7.1 ₄₆	6.8 ₄₆	8.7 ₄₉	9.3 ₂₆	8.6 ₂₂	7.9 ₄₉	6.9 ₄₉	8.3 ₃₅	7.4 ₄₆	Đ	Đ	Đ	7.8 ₄₆	0 0	K	T	46	TT	
		HK2	8.3 ₃₃	9.0 ₂₀	7.8 ₄₀	9.1 ₂₃	9.8 ₂₀	9.3 ₃₇	8.3 ₄₀	8.9 ₄₁	8.9 ₃₀	8.0 ₃₈	8.4 ₃₃	Đ	Đ	Đ	8.7 ₃₆	0 0	G	T	36	GIOI	
		CN	8.0 ₃₇	8.3 ₃₁	7.6 ₄₂	8.3 ₄₂	9.4 ₄₁	9.3 ₃₄	8.4 ₃₈	8.6 ₄₄	8.2 ₄₃	8.1 ₃₈	8.1 ₄₄	Đ	Đ	Đ	8.4 ₄₂	0 0	G	T	42	GIOI	L
15	Tăng Gia Hoàng	HK1	8.1 ₁₉	9.4 ₅	8.7 ₂₃	9.3 ₁₁	9.7 ₁₁	9.5 ₁₆	9.2 ₁₁	8.8 ₃₄	9.8 ₃	9.5 ₂	9.3 ₁₄	Đ	Đ	Đ	9.2 ₈	0 0	G	T	8	GIOI	
		HK2	8.9 ₉	9.3 ₁₀	8.8 ₂₈	9.8 ₆	9.9 ₁	9.3 ₃₇	8.7 ₁₉	9.5 ₂₃	9.3 ₁₈	9.9 ₁	9.2 ₁₄	Đ	Đ	Đ	9.3 ₁₄	0 0	G	T	14	GIOI	
		CN	8.6 ₁₂	9.3 ₈	8.8 ₂₅	9.6 ₈	9.8 ₈	9.4 ₂₉	8.9 ₁₄	9.3 ₂₇	9.5 ₁₀	9.8 ₁	9.2 ₁₁	Đ	Đ	Đ	9.3 ₁₀	0 0	G	T	10	GIOI	L
16	Nguyễn Gia Huy	HK1	8.0 ₂₄	6.8 ₄₆	8.3 ₃₃	7.0 ₄₅	8.9 ₄₆	9.4 ₂₁	8.6 ₂₂	8.5 ₃₈	8.5 ₃₇	8.0 ₄₃	8.2 ₄₀	Đ	Đ	Đ	8.2 ₄₁	0 0	G	T	39	GIOI	
		HK2	8.4 ₃₁	6.5 ₄₇	6.4 ₄₉	9.0 ₂₇	9.4 ₄₂	9.2 ₄₀	8.4 ₃₅	8.9 ₄₁	8.2 ₄₃	7.4 ₄₄	8.2 ₄₁	Đ	Đ	Đ	8.2 ₄₄	1 0	K	T	47	TT	
		CN	8.3 ₂₇	6.6 ₄₇	7.0 ₄₈	8.3 ₄₂	9.2 ₄₆	9.3 ₃₄	8.5 ₃₁	8.8 ₄₁	8.3 ₄₁	7.6 ₄₄	8.2 ₃₈	Đ	Đ	Đ	8.2 ₄₃	1 0	G	T	43	GIOI	L
17	Nguyễn Hoàng Kha	HK1	7.8 ₃₄	9.4 ₅	8.8 ₂₁	9.2 ₁₄	9.7 ₁₁	9.3 ₂₆	9.2 ₁₁	9.0 ₂₉	9.2 ₂₁	9.3 ₁₁	9.6 ₅	Đ	Đ	Đ	9.1 ₁₄	2 0	G	T	14	GIOI	
		HK2	8.6 ₂₂	9.3 ₁₀	9.1 ₂₁	9.8 ₆	9.8 ₂₀	9.7 ₁₉	8.9 ₁₂	9.6 ₁₇	9.4 ₁₅	9.6 ₉	9.4 ₆	Đ	Đ	Đ	9.4 ₈	0 0	G	T	8	GIOI	
		CN	8.3 ₂₇	9.3 ₈	9.0 ₂₀	9.6 ₈	9.8 ₈	9.6 ₁₇	9.0 ₁₀	9.4 ₂₁	9.3 ₁₈	9.5 ₁₀	9.5 ₅	Đ	Đ	Đ	9.3 ₁₀	2 0	G	T	10	GIOI	L
18	Vũ Hồng Vinh Khang	HK1	7.5 ₄₂	8.4 ₂₅	8.5 ₂₉	8.2 ₃₆	9.2 ₄₀	9.3 ₂₆	8.4 ₃₀	9.1 ₂₅	9.6 ₉	9.4 ₆	8.4 ₃₅	Đ	Đ	Đ	8.7 ₂₈	3 0	G	T	28	GIOI	
		HK2	8.8 ₁₄	8.9 ₂₃	9.2 ₁₇	9.5 ₁₅	9.8 ₂₀	9.9 ₂	8.9 ₁₂	9.7 ₉	9.3 ₁₈	9.2 ₁₉	9.4 ₆	Đ	Đ	Đ	9.3 ₁₄	1 0	G	T	14	GIOI	
		CN	8.4 ₂₃	8.7 ₂₂	9.0 ₂₀	9.1 ₁₉	9.6 ₃₀	9.7 ₁₁	8.7 ₂₁	9.5 ₁₃	9.4 ₁₆	9.3 ₁₅	9.1 ₁₅	Đ	Đ	Đ	9.1 ₁₈	4 0	G	T	18	GIOI	L
19	Ngô Nguyễn Anh Khoa	HK1	7.5 ₄₂	8.1 ₃₃	8.6 ₂₅	9.1 ₁₆	9.7 ₁₁	9.0 ₃₉	8.4 ₃₀	8.4 ₃₉	9.2 ₂₁	9.3 ₁₁	8.4 ₃₅	Đ	Đ	Đ	8.7 ₂₈	1 0	G	T	28	GIOI	
		HK2	7.8 ₄₅	8.9 ₂₃	8.9 ₂₅	9.0 ₂₇	9.7 ₃₃	9.6 ₂₂	9.2 ₅	9.5 ₂₃	9.4 ₁₅	9.7 ₂	8.4 ₃₃	Đ	Đ	Đ	9.1 ₂₂	1 0	G	T	22	GIOI	
		CN	7.7 ₄₆	8.6 ₂₇	8.8 ₂₅	9.0 ₂₁	9.7 ₂₂	9.4 ₂₉	8.9 ₁₄	9.1 ₃₄	9.3 ₁₈	9.6 ₃	8.4 ₃₇	Đ	Đ	Đ	9.0 ₂₁	2 0	G	T	21	GIOI	L
20	Võ Nguyễn Châu Lê	HK1	8.1 ₁₉	8.6 ₂₀	9.4 ₁₁	8.7 ₂₄	9.6 ₂₂	9.4 ₂₁	8.8 ₁₈	9.1 ₂₅	9.5 ₁₃	9.4 ₆	9.4 ₁₀	Đ	Đ	Đ	9.1 ₁₄	3 0	G	T	14	GIOI	
		HK2	8.8 ₁₄	9.1 ₁₉	9.8 ₂	9.7 ₁₀	9.8 ₂₀	9.8 ₁₀	8.6 ₂₅	9.5 ₂₃	9.5 ₁₁	9.7 ₂	8.9 ₂₄	Đ	Đ	Đ	9.4 ₈	0 0	G	T	8	GIOI	
		CN	8.6 ₁₂	8.9 ₁₉	9.7 ₃	9.4 ₁₄	9.7 ₂₂	9.7 ₁₁	8.7 ₂₁	9.4 ₂₁	9.5 ₁₀	9.6 ₃	9.1 ₁₅	Đ	Đ	Đ	9.3 ₁₀	3 0	G	T	10	GIOI	L
21	Trần Thanh Trúc Linh	HK1	8.0 ₂₄	9.5 ₄	8.8 ₂₁	9.6 ₇	9.7 ₁₁	8.9 ₄₂	9.4 ₅	8.9 ₃₁	9.0 ₂₉	9.5 ₂	9.3 ₁₄	Đ	Đ	Đ	9.1 ₁₄	0 0	G	T	14	GIOI	
		HK2	8.9 ₉	9.4 ₉	9.4 ₉	9.6 ₁₂	9.8 ₂₀	9.6 ₂₂	8.9 ₁₂	9.6 ₁₇	9.2 ₂₂	9.7 ₂	9.4 ₆	Đ	Đ	Đ	9.4 ₈	1 0	G	T	8	GIOI	
		CN	8.6 ₁₂	9.4 ₆	9.2 ₁₂	9.6 ₈	9.8 ₈	9.4 ₂₉	9.1 ₅	9.4 ₂₁	9.1 ₂₄	9.6 ₃	9.4 ₈	Đ	Đ	Đ	9.3 ₁₀	1 0	G	T	10	GIOI	L
22	Trịnh Vũ Huyền Nga	HK1	7.8 ₃₄	8.3 ₂₈	7.8 ₄₁	8.7 ₂₄	9.6 ₂₂	9.3 ₂₆	7.9 ₄₅	9.0 ₂₉	9.1 ₂₄	8.7 ₂₈	9.4 ₁₀	Đ	Đ	Đ	8.7 ₂₈	0 0	G	T	28	GIOI	
		HK2	8.5 ₂₆	8.1 ₃₆	9.2 ₁₇	8.8 ₃₅	9.8 ₂₀	9.4 ₃₂	8.1 ₄₄	9.5 ₂₃	9.1 ₂₅	9.0 ₂₂	8.0 ₄₄	Đ	Đ	Đ	8.9 ₂₇	0 0	G	T	27	GIOI	
		CN	8.3 ₂₇	8.2 ₃₄	8.7 ₂₈	8.8 ₂₉	9.7 ₂₂	9.4 ₂₉	8.0 ₄₄	9.3 ₂₇	9.1 ₂₄	8.9 ₂₃	8.5 ₃₃	Đ	Đ	Đ	8.8 ₂₉	0 0	G	T	29	GIOI	L
23	Đỗ Ngọc Duy Ngân	HK1	7.6 ₃₉	7.9 ₃₈	6.9 ₅₀	8.0 ₄₀	9.5 ₃₁	9.2 ₃₅	7.2 ₄₈	8.6 ₃₆	9.7 ₆	8.1 ₃₉	7.3 ₄₈	Đ	Đ	Đ	8.2 ₄₁	0 0	K	T	44	TT	
		HK2	8.2 ₃₇	8.1 ₃₆	7.9 ₃₉	8.6 ₄₀	9.8 ₂₀	9.3 ₃₇	8.1 ₄₄	8.7 ₄₅	9.2 ₂₂	8.1 ₃₄	8.7 ₃₀	Đ	Đ	Đ	8.6 ₄₀	0 0	G	T	40	GIOI	
		CN	8.0 ₃₇	8.0 ₄₀	7.6 ₄₂	8.4 ₃₉	9.7 ₂₂	9.3 ₃₄	7.8 ₄₅	8.7 ₄₂	9.4 ₁₆	8.1 ₃₈	8.2 ₃₈	Đ	Đ	Đ	8.5 ₄₀	0 0	G	T	40	GIOI	L
24	Nguyễn Thị Kim Ngân	HK1	6.7 ₄₉	5.6 ₄₉	8.4 ₃₁	8.6 ₂₇	8.8 ₄₇	6.5 ₄₉	7.9 ₄₅	8.4 ₃₉	6.8 ₅₀	7.1 ₅₀	7.0 ₄₉	Đ	Đ	Đ	7.4 ₄₈	0 0	K	T	48	TT	
		HK2	7.4 ₄₈	6.5 ₄₇	8.0 ₃₈	8.6 ₄₀	9.2 ₄₇	8.7 ₄₄	7.3 ₄₈	7.9 ₄₈	6.2 ₄₉	6.9 ₄₇	6.4 ₄₈	Đ	Đ	Đ	7.6 ₄₈	0 0	K	T	48	TT	
		CN	7.2 ₄₈	6.2 ₄₈	8.1 ₃₆	8.6 ₃₆	9.1 ₄₇	8.0 ₄₇	7.5 ₄₈	8.1 ₄₈	6.4 ₄₉	7.0 ₄₈	6.6 ₄₈	Đ	Đ	Đ	7.5 ₄₈	0 0	K	T	48	TT	L
25	Phan Ngọc Yến Ngân	HK1	7.6 ₃₉	6.5 ₄₈	7.5 ₄₄	5.8 ₄₈	9.6 ₂₂	8.8 ₄₃	9.4 ₅	8.4 ₃₉	7.8 ₄₆	8.1 ₃₉	8.9 ₂₃	Đ	Đ	Đ	8.0 ₄₅	0 0	K	T	45	TT	
		HK2	8.2 ₃₇	7.1 ₄₆	8.4 ₃₃	7.9 ₄₆	9.3 ₄₅	9.2 ₄₀	8.2 ₄₃	9.7 ₉	7.3 ₄₆	7.9 ₃₉	8.3 ₃₆	Đ	Đ	Đ	8.3 ₄₃	2 0	G	T	43	GIOI	
		CN	8.0 ₃₇	6.9 ₄₆	8.1 ₃₆	7.2 ₄₇	9.4 ₄₁	9.1 ₄₂	8.6 ₂₄	9.3 ₂₇	7.5 ₄₆	8.0 ₄₀	8.5 ₃₃	Đ	Đ	Đ	8.2 ₄₃	2 0	G	T	43	GIOI	L

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	ĐTB	Nghi CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
26	Trương Thế Ngọc	HK1	7.9 ₃₀	8.0 ₃₆	7.8 ₄₁	8.1 ₃₉	9.4 ₃₅	9.6 ₈	8.4 ₃₀	8.2 ₄₅	9.0 ₂₉	7.9 ₄₄	8.7 ₃₀	Đ	Đ	Đ	8.5 ₃₄	2 0	G	T	34	GIOI	
		HK2	8.3 ₃₃	8.0 ₄₁	9.4 ₉	8.4 ₄₃	9.4 ₄₂	9.8 ₁₀	9.3 ₂	9.4 ₃₀	9.1 ₂₅	7.8 ₄₁	9.2 ₁₄	Đ	Đ	Đ	8.9 ₂₇	0 0	G	T	27	GIOI	
		CN	8.2 ₃₄	8.0 ₄₀	8.9 ₂₄	8.3 ₄₂	9.4 ₄₁	9.7 ₁₁	9.0 ₁₀	9.0 ₃₈	9.1 ₂₄	7.8 ₄₃	9.0 ₂₁	Đ	Đ	Đ	8.8 ₂₉	2 0	G	T	29	GIOI	L
27	Hứa Xuân Nhi	HK1	7.4 ₄₆	9.0 ₁₄	7.5 ₄₄	8.2 ₃₆	9.5 ₃₁	7.6 ₄₆	8.2 ₃₉	8.3 ₄₃	8.0 ₄₄	8.1 ₃₉	8.3 ₃₇	Đ	Đ	Đ	8.2 ₄₁	0 0	G	T	39	GIOI	
		HK2	7.7 ₄₇	8.5 ₂₉	7.5 ₄₄	8.3 ₄₄	9.4 ₄₂	8.1 ₄₇	7.6 ₄₆	8.8 ₄₃	8.7 ₃₃	6.9 ₄₇	8.1 ₄₃	Đ	Đ	Đ	8.1 ₄₆	0 0	G	T	45	GIOI	
		CN	7.6 ₄₇	8.7 ₂₂	7.5 ₄₄	8.3 ₄₂	9.4 ₄₁	7.9 ₄₈	7.8 ₄₅	8.6 ₄₄	8.5 ₃₇	7.3 ₄₆	8.2 ₃₈	Đ	Đ	Đ	8.2 ₄₃	0 0	G	T	43	GIOI	L
28	Nguyễn An Nhiên	HK1	6.0 ₅₀	6.7 ₄₇	7.0 ₄₉	5.0 ₄₉	7.9 ₅₀	7.0 ₄₈	6.1 ₄₉	7.3 ₅₀	7.0 ₄₇	7.3 ₄₈	6.1 ₅₀	Đ	Đ	Đ	6.7 ₄₉	3 0	K	T	49	TT	
		HK2	6.8 ₄₉	5.4 ₄₉	7.5 ₄₄	7.0 ₄₉	8.6 ₄₉	6.6 ₄₉	7.1 ₄₉	7.1 ₄₉	6.4 ₄₈	6.6 ₄₉	4.8 ₄₉	Đ	Đ	Đ	6.7 ₄₉	0 0	Tb	T	49		
		CN	6.5 ₄₉	5.8 ₄₉	7.3 ₄₇	6.3 ₄₉	8.4 ₄₉	6.7 ₄₉	6.8 ₄₉	7.2 ₄₉	6.6 ₄₈	6.8 ₄₉	5.2 ₄₉	Đ	Đ	Đ	6.7 ₄₉	3 0	K	T	49	TT	L
29	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	HK1	7.9 ₃₀	8.3 ₂₈	8.3 ₃₃	9.3 ₁₁	9.7 ₁₁	9.4 ₂₁	8.7 ₂₁	9.3 ₁₄	8.3 ₄₀	7.7 ₄₅	8.0 ₄₄	Đ	Đ	Đ	8.6 ₃₂	0 0	G	T	32	GIOI	
		HK2	8.5 ₂₆	8.3 ₃₄	7.1 ₄₇	7.9 ₄₆	9.9 ₁	9.1 ₄₂	8.6 ₂₅	9.6 ₁₇	8.5 ₃₈	8.1 ₃₄	8.3 ₃₆	Đ	Đ	Đ	8.5 ₄₂	0 0	G	T	42	GIOI	
		CN	8.3 ₂₇	8.3 ₃₁	7.5 ₄₄	8.4 ₃₉	9.8 ₈	9.2 ₄₀	8.6 ₂₄	9.5 ₁₃	8.4 ₃₈	8.0 ₄₀	8.2 ₃₈	Đ	Đ	Đ	8.6 ₃₉	0 0	G	T	39	GIOI	L
30	Lê Nguyễn Ngọc Như	HK1	8.2 ₁₄	8.4 ₂₅	8.0 ₃₈	8.6 ₂₇	9.5 ₃₁	9.4 ₂₁	9.4 ₅	9.3 ₁₄	8.9 ₃₃	8.6 ₃₀	8.5 ₃₄	Đ	Đ	Đ	8.8 ₂₄	0 0	G	T	24	GIOI	
		HK2	8.7 ₁₉	7.6 ₄₄	7.8 ₄₀	8.8 ₃₅	9.6 ₃₇	9.5 ₃₀	9.1 ₇	9.7 ₉	9.1 ₂₅	8.4 ₃₀	7.2 ₄₇	Đ	Đ	Đ	8.7 ₃₆	2 0	G	T	36	GIOI	
		CN	8.5 ₁₇	7.9 ₄₂	7.9 ₄₀	8.7 ₃₂	9.6 ₃₀	9.5 ₂₄	9.2 ₃	9.6 ₇	9.0 ₂₈	8.5 ₂₈	7.6 ₄₇	Đ	Đ	Đ	8.7 ₃₃	2 0	G	T	33	GIOI	L
31	Nguyễn Ngọc Thanh Như	HK1	8.5 ₅	9.1 ₁₂	9.5 ₅	9.9 ₁	9.8 ₄	9.6 ₈	8.8 ₁₈	9.4 ₈	9.2 ₂₁	8.8 ₂₄	8.8 ₂₇	Đ	Đ	Đ	9.2 ₈	0 0	G	T	8	GIOI	
		HK2	9.1 ₄	9.0 ₂₀	9.7 ₄	9.9 ₂	9.9 ₁	9.6 ₂₂	9.3 ₂	9.7 ₉	9.6 ₇	8.1 ₃₄	8.3 ₃₆	Đ	Đ	Đ	9.3 ₁₄	0 0	G	T	14	GIOI	
		CN	8.9 ₄	9.0 ₁₃	9.6 ₅	9.9 ₂	9.9 ₁	9.6 ₁₇	9.1 ₅	9.6 ₇	9.5 ₁₀	8.3 ₃₃	8.5 ₃₃	Đ	Đ	Đ	9.3 ₁₀	0 0	G	T	10	GIOI	L
32	Vũ Hoàng Oanh	HK1	8.0 ₂₄	9.9 ₁	9.5 ₅	9.7 ₅	9.4 ₃₅	9.6 ₈	8.5 ₂₈	9.5 ₅	9.9 ₁	9.0 ₂₀	9.5 ₆	Đ	Đ	Đ	9.3 ₇	0 0	G	T	7	GIOI	
		HK2	8.8 ₁₄	9.9 ₁	9.0 ₂₂	9.9 ₂	9.9 ₁	9.9 ₂	8.6 ₂₅	9.8 ₅	9.7 ₄	8.5 ₂₇	9.6 ₂	Đ	Đ	Đ	9.4 ₈	0 0	G	T	8	GIOI	
		CN	8.5 ₁₇	9.9 ₁	9.2 ₁₂	9.8 ₅	9.7 ₂₂	9.8 ₂	8.6 ₂₄	9.7 ₂	9.8 ₂	8.7 ₂₅	9.6 ₁	Đ	Đ	Đ	9.4 ₆	0 0	G	T	6	GIOI	L
33	Nguyễn Diễm Quỳnh	HK1	8.4 ₁₀	8.6 ₂₀	9.8 ₃	8.9 ₂₀	9.6 ₂₂	9.3 ₂₆	8.4 ₃₀	9.6 ₄	9.6 ₉	8.7 ₂₈	9.5 ₆	Đ	Đ	Đ	9.1 ₁₄	0 0	G	T	14	GIOI	
		HK2	8.9 ₉	8.8 ₂₅	9.8 ₂	9.8 ₆	9.9 ₁	9.8 ₁₀	8.3 ₄₀	9.5 ₂₃	9.6 ₇	9.1 ₂₁	9.6 ₂	Đ	Đ	Đ	9.4 ₈	0 0	G	T	8	GIOI	
		CN	8.7 ₈	8.7 ₂₂	9.8 ₁	9.5 ₁₂	9.8 ₈	9.6 ₁₇	8.3 ₄₀	9.5 ₁₃	9.6 ₆	9.0 ₂₀	9.6 ₁	Đ	Đ	Đ	9.3 ₁₀	0 0	G	T	10	GIOI	L
34	Võ Thành Tài	HK1	7.7 ₃₈	8.5 ₂₄	9.0 ₁₉	8.6 ₂₇	9.4 ₃₅	9.4 ₂₁	9.0 ₁₅	9.4 ₈	8.2 ₄₂	8.5 ₃₂	8.9 ₂₃	Đ	Đ	Đ	8.8 ₂₄	0 0	G	T	24	GIOI	
		HK2	8.5 ₂₆	9.2 ₁₅	9.3 ₁₂	9.2 ₂₂	9.6 ₃₇	9.8 ₁₀	8.7 ₁₉	9.4 ₃₀	8.5 ₃₈	8.2 ₃₂	9.1 ₁₈	Đ	Đ	Đ	9.0 ₂₄	0 0	G	T	24	GIOI	
		CN	8.2 ₃₄	9.0 ₁₃	9.2 ₁₂	9.0 ₂₁	9.5 ₃₆	9.7 ₁₁	8.8 ₁₉	9.4 ₂₁	8.4 ₃₈	8.3 ₃₃	9.0 ₂₁	Đ	Đ	Đ	9.0 ₂₁	0 0	G	T	21	GIOI	L
35	Lê Trần Thanh Thế	HK1	8.1 ₁₉	8.3 ₂₈	9.3 ₁₃	8.2 ₃₆	9.7 ₁₁	9.7 ₅	8.6 ₂₂	9.3 ₁₄	8.6 ₃₅	8.3 ₃₅	8.7 ₃₀	Đ	Đ	Đ	8.8 ₂₄	0 0	G	T	24	GIOI	
		HK2	8.7 ₁₉	8.6 ₂₆	8.8 ₂₈	9.6 ₁₂	9.8 ₂₀	9.4 ₃₂	8.8 ₁₅	9.9 ₂	9.4 ₁₅	8.4 ₃₀	9.4 ₆	Đ	Đ	Đ	9.2 ₁₈	0 0	G	T	18	GIOI	
		CN	8.5 ₁₇	8.5 ₂₉	9.0 ₂₀	9.1 ₁₉	9.8 ₈	9.5 ₂₄	8.7 ₂₁	9.7 ₂	9.1 ₂₄	8.4 ₃₀	9.2 ₁₁	Đ	Đ	Đ	9.0 ₂₁	0 0	G	T	21	GIOI	L
36	Đỗ Anh Thư	HK1	7.5 ₄₂	8.1 ₃₃	7.7 ₄₃	7.9 ₄₁	9.6 ₂₂	9.0 ₃₉	8.9 ₁₆	8.8 ₃₄	9.1 ₂₄	8.3 ₃₅	8.2 ₄₀	Đ	Đ	Đ	8.5 ₃₄	0 0	G	T	34	GIOI	
		HK2	8.0 ₄₂	8.5 ₂₉	8.2 ₃₆	8.8 ₃₅	9.8 ₂₀	9.4 ₃₂	9.2 ₅	9.9 ₂	8.6 ₃₆	7.7 ₄₃	9.5 ₅	Đ	Đ	Đ	8.9 ₂₇	0 0	G	T	27	GIOI	
		CN	7.8 ₄₃	8.4 ₃₀	8.0 ₃₉	8.5 ₃₇	9.7 ₂₂	9.3 ₃₄	9.1 ₅	9.5 ₁₃	8.8 ₃₂	7.9 ₄₂	9.1 ₁₅	Đ	Đ	Đ	8.7 ₃₃	0 0	G	T	33	GIOI	L
37	Ngô Thị Thùy Tiên	HK1	8.2 ₁₄	9.0 ₁₄	9.0 ₁₉	9.3 ₁₁	9.7 ₁₁	9.6 ₈	8.0 ₄₄	9.2 ₂₁	9.5 ₁₃	9.3 ₁₁	9.2 ₁₈	Đ	Đ	Đ	9.1 ₁₄	0 0	G	T	14	GIOI	
		HK2	8.9 ₉	9.0 ₂₀	9.2 ₁₇	9.3 ₂₀	9.6 ₃₇	9.6 ₂₂	8.4 ₃₅	9.7 ₉	9.7 ₄	9.7 ₂	9.4 ₆	Đ	Đ	Đ	9.3 ₁₄	0 0	G	T	14	GIOI	
		CN	8.7 ₈	9.0 ₁₃	9.1 ₁₆	9.3 ₁₆	9.6 ₃₀	9.6 ₁₇	8.3 ₄₀	9.5 ₁₃	9.6 ₆	9.6 ₃	9.3 ₁₀	Đ	Đ	Đ	9.2 ₁₆	0 0	G	T	16	GIOI	L
38	Vân Đặng Đan Tiên	HK1	7.8 ₃₄	7.3 ₄₂	7.9 ₄₀	6.6 ₄₇	9.3 ₃₈	9.0 ₃₉	8.3 ₃₇	8.9 ₃₁	8.5 ₃₇	8.6 ₃₀	8.6 ₃₃	Đ	Đ	Đ	8.3 ₄₀	2 0	K	T	43	TT	
		HK2	8.5 ₂₆	8.0 ₄₁	7.6 ₄₃	9.3 ₂₀	9.6 ₃₇	8.5 ₄₆	8.4 ₃₅	9.2 ₃₇	7.9 ₄₄	8.8 ₂₅	9.0 ₂₁	Đ	Đ	Đ	8.6 ₄₀	0 0	G	T	40	GIOI	
		CN	8.3 ₂₇	7.8 ₄₃	7.7 ₄₁	8.4 ₃₉	9.5 ₃₆	8.7 ₄₄	8.4 ₃₈	9.1 ₃₄	8.1 ₄₄	8.7 ₂₅	8.9 ₂₅	Đ	Đ	Đ	8.5 ₄₀	2 0	G	T	40	GIOI	L
39	Trần Phạm Quỳnh Trang	HK1	8.5 ₅	8.2 ₃₁	8.4 ₃₁	8.9 ₂₀	9.3 ₃₈	9.5 ₁₆	8.6 ₂₂	9.3 ₁₄	9.0 ₂₉	9.2 ₁₄	9.4 ₁₀	Đ	Đ	Đ	8.9 ₂₀	1 0	G	T	20	GIOI	

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	ĐTB	Nghi CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả	
39	Trần Phạm Quỳnh Trang	HK2	9.4 ₁	9.2 ₁₅	9.0 ₂₂	9.5 ₁₅	9.7 ₃₃	9.4 ₃₂	9.0 ₁₀	9.6 ₁₇	8.8 ₃₁	9.3 ₁₅	8.4 ₃₃	Đ	Đ	Đ	9.2 ₁₈	0 0	G	T	18	GIOI		
		CN	9.1 ₁	8.9 ₁₉	8.8 ₂₅	9.3 ₁₆	9.6 ₃₀	9.4 ₂₉	8.9 ₁₄	9.5 ₁₃	8.9 ₂₉	9.3 ₁₅	8.7 ₃₀	Đ	Đ	Đ	9.1 ₁₈	1 0	G	T	18	GIOI	L	
40	Vũ Thị Thu Trang	HK1	8.1 ₁₉	9.0 ₁₄	8.3 ₃₃	8.5 ₃₀	9.1 ₄₂	9.3 ₂₆	8.6 ₂₂	9.1 ₂₅	9.1 ₂₄	9.2 ₁₄	9.2 ₁₈	Đ	Đ	Đ	8.9 ₂₀	0 0	G	T	20	GIOI		
		HK2	8.4 ₃₁	9.3 ₁₀	8.6 ₃₁	9.1 ₂₃	9.9 ₁	9.1 ₄₂	8.6 ₂₅	9.1 ₃₈	9.3 ₁₈	8.9 ₂₄	9.1 ₁₈	Đ	Đ	Đ	9.0 ₂₄	0 0	G	T	24	GIOI		
		CN	8.3 ₂₇	9.2 ₁₂	8.5 ₃₁	8.9 ₂₄	9.6 ₃₀	9.2 ₄₀	8.6 ₂₄	9.1 ₃₄	9.2 ₂₂	9.0 ₂₀	9.1 ₁₅	Đ	Đ	Đ	9.0 ₂₁	0 0	G	T	21	GIOI	L	
41	Phan Ngọc Phương Trinh	HK1	8.5 ₅	9.1 ₁₂	9.4 ₁₁	8.8 ₂₃	9.6 ₂₂	9.6 ₈	8.6 ₂₂	9.2 ₂₁	9.8 ₃	9.5 ₂	9.1 ₂₂	Đ	Đ	Đ	9.2 ₈	2 0	G	T	8	GIOI		
		HK2	8.8 ₁₄	8.5 ₂₉	8.9 ₂₅	9.0 ₂₇	9.8 ₂₀	9.7 ₁₉	8.5 ₃₁	9.4 ₃₀	9.5 ₁₁	9.6 ₉	9.8 ₁	Đ	Đ	Đ	9.2 ₁₈	2 0	G	T	18	GIOI		
		CN	8.7 ₈	8.7 ₂₂	9.1 ₁₆	8.9 ₂₄	9.7 ₂₂	9.7 ₁₁	8.5 ₃₁	9.3 ₂₇	9.6 ₆	9.6 ₃	9.6 ₁	Đ	Đ	Đ	9.2 ₁₆	4 0	G	T	16	GIOI	L	
42	Bùi Lê Cẩm Tú	HK1	8.2 ₁₄	7.5 ₄₀	8.2 ₃₆	7.5 ₄₂	9.0 ₄₄	9.2 ₃₅	8.2 ₃₉	9.5 ₅	8.2 ₄₂	8.5 ₃₂	8.3 ₃₇	Đ	Đ	Đ	8.4 ₃₉	0 0	G	T	38	GIOI		
		HK2	8.6 ₂₂	8.6 ₂₆	8.9 ₂₅	8.3 ₄₄	9.9 ₁	9.8 ₁₀	8.4 ₃₅	9.5 ₂₃	8.4 ₄₀	8.2 ₃₂	8.2 ₄₁	Đ	Đ	Đ	8.8 ₃₃	0 0	G	T	33	GIOI		
		CN	8.5 ₁₇	8.2 ₃₄	8.7 ₂₈	8.0 ₄₆	9.6 ₃₀	9.6 ₁₇	8.3 ₄₀	9.5 ₁₃	8.3 ₄₁	8.3 ₃₃	8.2 ₃₈	Đ	Đ	Đ	8.7 ₃₃	0 0	G	T	33	GIOI	L	
43	Đỗ Tấn Tường	HK1	8.4 ₁₀	9.3 ₇	9.5 ₅	9.6 ₇	9.7 ₁₁	9.8 ₂	9.3 ₉	9.4 ₈	9.4 ₁₈	9.2 ₁₄	9.4 ₁₀	Đ	Đ	Đ	9.4 ₃	0 0	G	T	3	GIOI		
		HK2	8.6 ₂₂	9.5 ₆	9.3 ₁₂	9.7 ₁₀	9.9 ₁	9.8 ₁₀	9.0 ₁₀	9.5 ₂₃	9.6 ₇	9.6 ₉	9.0 ₂₁	Đ	Đ	Đ	9.4 ₈	0 0	G	T	8	GIOI		
		CN	8.5 ₁₇	9.4 ₆	9.4 ₉	9.7 ₆	9.8 ₈	9.8 ₂	9.1 ₅	9.5 ₁₃	9.5 ₁₀	9.5 ₁₀	9.1 ₁₅	Đ	Đ	Đ	9.4 ₆	0 0	G	T	6	GIOI	L	
44	Lê Trần Trúc Uyên	HK1	8.7 ₂	9.8 ₂	9.5 ₅	9.8 ₃	9.9 ₂	9.8 ₂	9.6 ₁	9.9 ₂	9.6 ₉	9.1 ₁₈	9.5 ₆	Đ	Đ	Đ	9.6 ₁	0 0	G	T	1	GIOI		
		HK2	9.2 ₂	9.9 ₁	9.7 ₄	9.9 ₂	9.9 ₁	9.8 ₁₀	8.8 ₁₅	10 ₁	9.9 ₁	9.6 ₉	9.4 ₆	Đ	Đ	Đ	9.6 ₁	0 0	G	T	1	GIOI		
		CN	9.0 ₂	9.9 ₁	9.6 ₅	9.9 ₂	9.9 ₁	9.8 ₂	9.1 ₅	10 ₁	9.8 ₂	9.4 ₁₃	9.4 ₈	Đ	Đ	Đ	9.6 ₁	0 0	G	T	1	GIOI	L	
45	Huỳnh Gia Văn	HK1	7.6 ₃₉	8.8 ₁₇	8.1 ₃₇	8.7 ₂₄	9.8 ₄	9.1 ₃₈	8.9 ₁₆	8.4 ₃₉	9.1 ₂₄	8.8 ₂₄	8.7 ₃₀	Đ	Đ	Đ	8.7 ₂₈	0 0	G	T	28	GIOI		
		HK2	8.6 ₂₂	8.5 ₂₉	7.2 ₄₆	8.8 ₃₅	9.6 ₃₇	9.4 ₃₂	8.4 ₃₅	9.1 ₃₈	9.2 ₂₂	8.7 ₂₆	9.0 ₂₁	Đ	Đ	Đ	8.8 ₃₃	1 0	G	T	33	GIOI		
		CN	8.3 ₂₇	8.6 ₂₇	7.5 ₄₄	8.8 ₂₉	9.7 ₂₂	9.3 ₃₄	8.6 ₂₄	8.9 ₄₀	9.2 ₂₂	8.7 ₂₅	8.9 ₂₅	Đ	Đ	Đ	8.8 ₂₉	1 0	G	T	29	GIOI	L	
46	Lê Ngọc Thảo Vy	HK1	8.3 ₁₂	9.3 ₇	9.1 ₁₇	9.1 ₁₆	9.8 ₄	9.6 ₈	9.6 ₁	9.7 ₃	9.5 ₁₃	9.5 ₂	9.7 ₄	Đ	Đ	Đ	9.4 ₃	0 0	G	T	3	GIOI		
		HK2	9.1 ₄	9.3 ₁₀	9.7 ₄	9.5 ₁₅	9.9 ₁	9.9 ₂	9.4 ₁	9.7 ₉	9.5 ₁₁	9.7 ₂	8.6 ₃₁	Đ	Đ	Đ	9.5 ₂	0 0	G	T	2	GIOI		
		CN	8.8 ₇	9.3 ₈	9.5 ₇	9.4 ₁₄	9.9 ₁	9.8 ₂	9.5 ₁	9.7 ₂	9.5 ₁₀	9.6 ₃	9.0 ₂₁	Đ	Đ	Đ	9.5 ₂	0 0	G	T	2	GIOI	L	
47	Nguyễn Ngọc Bảo Vy	HK1	8.1 ₁₉	8.1 ₃₃	7.1 ₄₆	8.4 ₃₄	9.7 ₁₁	9.2 ₃₅	8.4 ₃₀	9.1 ₂₅	9.1 ₂₄	8.8 ₂₄	8.8 ₂₇	Đ	Đ	Đ	8.6 ₃₂	0 0	G	T	32	GIOI		
		HK2	8.2 ₃₇	8.3 ₃₄	8.7 ₃₀	8.9 ₃₃	9.9 ₁	9.6 ₂₂	8.5 ₃₁	9.4 ₃₀	8.6 ₃₆	7.9 ₃₉	7.6 ₄₆	Đ	Đ	Đ	8.7 ₃₆	0 0	G	T	36	GIOI		
		CN	8.2 ₃₄	8.2 ₃₄	8.2 ₃₅	8.7 ₃₂	9.8 ₈	9.5 ₂₄	8.5 ₃₁	9.3 ₂₇	8.8 ₃₂	8.2 ₃₆	8.0 ₄₅	Đ	Đ	Đ	8.7 ₃₃	0 0	G	T	33	GIOI	L	
48	Nguyễn Ngọc Tuyền Vy	HK1	8.3 ₁₂	8.6 ₂₀	9.1 ₁₇	8.9 ₂₀	9.8 ₄	9.5 ₁₆	9.6 ₁	9.2 ₂₁	9.3 ₁₉	9.7 ₁	9.2 ₁₈	Đ	Đ	Đ	9.2 ₈	0 0	G	T	8	GIOI		
		HK2	9.2 ₂	9.2 ₁₅	9.3 ₁₂	9.4 ₁₈	9.9 ₁	9.9 ₂	9.1 ₇	9.8 ₅	9.3 ₁₈	9.7 ₂	9.2 ₁₄	Đ	Đ	Đ	9.5 ₂	0 0	G	T	2	GIOI		
		CN	8.9 ₄	9.0 ₁₃	9.2 ₁₂	9.2 ₁₈	9.9 ₁	9.8 ₂	9.3 ₂	9.6 ₇	9.3 ₁₈	9.7 ₂	9.2 ₁₁	Đ	Đ	Đ	9.4 ₆	0 0	G	T	6	GIOI	L	
49	Phan Ánh Vy	HK1																						
		HK2																						
		CN																						
50	Nguyễn Khoa Như Ý	HK1	8.2 ₁₄	9.3 ₇	9.5 ₅	9.9 ₁	9.7 ₁₁	9.6 ₈	9.6 ₁	9.3 ₁₄	9.6 ₉	9.4 ₆	9.8 ₂	Đ	Đ	Đ	9.4 ₃	2 0	G	T	3	GIOI		
		HK2	8.8 ₁₄	9.9 ₁	9.9 ₁	10 ₁	9.8 ₂₀	9.9 ₂	8.7 ₁₉	9.4 ₃₀	9.5 ₁₁	9.7 ₂	8.9 ₂₄	Đ	Đ	Đ	9.5 ₂	0 0	G	T	2	GIOI		
		CN	8.6 ₁₂	9.7 ₃	9.8 ₁	10 ₁	9.8 ₈	9.8 ₂	9.0 ₁₀	9.4 ₂₁	9.5 ₁₀	9.6 ₃	9.2 ₁₁	Đ	Đ	Đ	9.5 ₂	2 0	G	T	2	GIOI	L	

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
----	-----------	----	---------	------	--------	---------	----------	---------	--------	------	-----------	---------	-----------	---------	----------	---------	-----	-------------	---------	-----------	----	-----------	---------

Số ngày nghỉ có phép:	48	Hạnh kiểm:	Học lực:	Danh hiệu:
Số ngày nghỉ không phép:	0	- Tốt: 49	- Giỏi: 46	- Giỏi: 46
		- Khá: 0	- Khá: 3	- Tiên tiến: 3
		- Trung bình: 0	- Trung bình: 0	
		- Yếu: 0	- Yếu: 0	
			- Kém: 0	

Ngày..... tháng..... năm
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
(chữ ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm
HIỆU TRƯỞNG
(chữ ký, họ tên, đóng dấu)